

Số: 2407/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
huyện Hòn Đất 5 năm giai đoạn 2021-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm
2021-2025 tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 21/12/2020 của Hội đồng nhân
dân huyện Hòn Đất về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn
2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
84/TTr-SKHĐT ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Kế hoạch phát
triển kinh tế - xã hội huyện Hòn Đất 5 năm 2021-2025*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Hòn Đất 5 năm 2021-2025 với các nội dung sau:

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (so với kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020)

1. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn của một số ngành chủ yếu (theo giá 2010) là 60.979,182 tỷ đồng (tăng 25,1%). Trong đó:

- Ngành Nông-Lâm-Ngư nghiệp 48.702,182 tỷ đồng (tăng 22,2%).
- Ngành Công nghiệp 7.029 tỷ đồng (tăng 55,6%).
- Ngành Xây dựng 5.248 tỷ đồng (tăng 20,5%).

2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 39.910 tỷ đồng (*tăng 38,4%*). Trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa 36.145 tỷ đồng (*tăng 50,5%*).
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 3.765 tỷ đồng (*tăng 42,7%*).

3. Tổng sản lượng lúa 897.109 tấn (*giảm 11,1%*). Trong đó, duy trì tỷ lệ lúa chất lượng cao chiếm từ 97%.

4. Tổng sản lượng khai thác thủy hải sản và nuôi trồng 80.164 tấn (*tăng 7,3%*). Trong đó: Sản lượng nuôi trồng 32.164 tấn (*tăng 22,3%*), sản lượng tôm nuôi 4.699 tấn (*tăng 0,4%*).

5. Tổng thu ngân sách nhà nước 569,6 tỷ đồng (*tăng 26,6%*).

6. Chi ngân sách địa phương 5.429,4 tỷ đồng (*tăng 27,7%*).

7. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội 7.641 tỷ đồng (*tăng 20,7%*).

8. Bê tông hóa đường giao thông nông thôn 309 km (*tăng 13,1%*).

9. Xã đạt chuẩn nông thôn mới: 12 xã (*tăng thêm 5 xã*). Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới là 100%, có từ 01-02 xã đạt nông thôn mới nâng cao, có 01 xã nông thôn kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

10. Giảm tỷ lệ sinh hàng năm 0,2 ‰ (*giảm 0,3 ‰*).

11. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 7,5 ‰ (*giảm 0,5 ‰*).

12. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm còn 2,65% (*giảm 0,9%*).

13. Tỷ lệ huy động học sinh đến trường 93,1% (*tăng 6,3%*). Trong đó: (i) Mầm non: 82% (*tăng 17,3%*); (ii) Tiểu học: 99,96% (*giảm 0,04%*); (iii) THCS: 97,3% (*tăng 1,5%*).

14. Số người được giải quyết việc làm hàng năm 3.500 người.

15. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 63% (*tăng 9,9%*). Trong đó: lao động qua đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ 40% (*tăng 5%*).

16. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng về cân nặng còn 6% (*giảm 0,95%*).

17. Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh 95% (*tăng 3%*). Trong đó: (i) Tỷ lệ ở thành thị 100% (*tăng 0,2%*); (ii) Tỷ lệ ở nông thôn 96% (*tăng 6%*).

18. Tỷ lệ hộ sử dụng điện 99,3% (*tăng 0,3%*). Trong đó tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia 99,12% (*tăng 0,1%*).

19. Phần đầu tỷ lệ dân số tham gia Bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên (*tăng 4,7%*).

20. Tỷ lệ dân số tham gia Bảo hiểm xã hội 12,5% (*tăng 03%*). Trong đó: (i) Bắt buộc 7,5% (*tăng 01%*); (ii) Tự nguyện 5% (*tăng 02%*).

21. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp 04% (*tăng 1%*).

22. Công tác tuyển quân 100%.

23. Thu nhập bình quân đầu người 65 triệu đồng/người/năm (*tăng 13 triệu đồng/người/năm*).

24. Doanh thu trên một đơn vị diện tích 120 triệu đồng/ha/năm (*tăng 28 triệu đồng/ha/năm*).

25. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch 68% (*tăng 10%*).

26. Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa: (i) Hộ gia đình 86% (*giảm 2,3%*). (ii) Ấp, khu phố 80% (*giảm 9,2%*); (iii) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp 92% (*giảm 2,6%*).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung thúc đẩy kinh tế phát triển ổn định, bền vững và có chiều sâu

1.1. Lĩnh vực nông nghiệp

Khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, thế mạnh của huyện trong lĩnh vực nông nghiệp; Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp định hướng đến năm 2030, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng, giá trị của sản phẩm. Từng bước phát triển sản xuất theo hướng tập trung, quy mô lớn và thích nghi với tình hình biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, xây dựng các mô hình để khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế về nuôi yến, kinh tế ven biển, dưới tán rừng,... và phát triển một số loại cây trồng, vật nuôi mới có giá trị kinh tế cao, thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên nhằm góp phần phát triển nền sản xuất nông nghiệp của huyện nhanh và bền vững. Quy hoạch vùng sản xuất rau màu tập trung và triển khai xây dựng các mô hình ứng dụng cơ giới trong các khâu: làm đất, tưới, chăm sóc... ứng dụng công nghệ cao sản xuất theo quy trình VietGAP, GlobalGAP đối với các xã có diện tích trồng màu lớn. Từng bước nâng cao trình độ thâm canh, luân canh rau màu trên nền đất lúa theo hướng sản xuất rau an toàn, đa dạng hóa các loại rau màu phù hợp với nhu cầu thị trường và đặc điểm sinh thái của từng tiểu vùng.

Xác định các vật nuôi chính là: heo, gia cầm, bò, trâu, dê; quy hoạch phát triển chăn nuôi theo hướng chuyển dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang quy mô trang trại, công nghiệp tập trung, xa khu dân cư, kiểm soát an toàn dịch bệnh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, quy hoạch vùng trồng cây nguyên liệu làm thức ăn phục vụ cho chăn nuôi. Tổ chức, quản lý các cơ sở giết mổ, từng bước di dời và xóa bỏ các điểm giết mổ nhỏ lẻ gây ô nhiễm môi trường trong khu vực đông dân cư, hình thành các điểm giết mổ tập trung đảm bảo đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện để phục vụ chuyển đổi theo quy hoạch vùng Nam Lộ 80 từ Bình Giang đến Thổ Sơn sang mô hình 01 vụ tôm – 01 vụ lúa và Tôm càng xanh, cá nước ngọt... Trong đó, tập trung phát triển các đối tượng thủy sản chủ lực của các xã, thị trấn ven biển, khai thác tốt diện tích nuôi thủy sản nước lợ, phát triển nuôi thủy sản dưới tán rừng phòng hộ gắn với bảo vệ rừng, bảo vệ tuyến đê biển chống xói lở và xâm nhập mặn. Chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang vùng chuyên canh nuôi thủy sản nước ngọt, lợ... (*tôm càng xanh, cá*) tại các xã: Bình Giang, Bình Sơn, Linh Huỳnh, Thổ Sơn... Phát triển kinh tế biển gắn với phát triển du lịch sinh thái kết hợp vườn, ao, chuồng, rừng ... ở các xã, thị trấn ven biển: Thổ Sơn, Sơn Bình, Sóc Sơn, Mỹ Lâm và bảo vệ nguồn lợi thủy sản biển; Phân đấu đến năm 2025 thu nhập bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng/người /năm.

Duy trì hợp lý diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất, điều chỉnh một phần diện tích rừng sản xuất kém hiệu quả sang sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đẩy mạnh trồng rừng sản xuất và trồng cây phân tán; đưa giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận vào sản xuất để nâng cao chất lượng rừng trồng, cung cấp nguyên liệu cho thị trường và nhà máy gỗ MDF Kiên Giang. Tận dụng các bãi bồi để mở rộng diện tích trồng rừng phòng hộ ven biển, chống biến đổi khí hậu, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng (*nuôi cua, ba khía, cá nâu, ...*) và du lịch sinh thái đồng thời duy trì trồng và phát triển rừng sản xuất. Phân đấu đến năm 2025 tỷ lệ che phủ đạt từ 8-10% và duy trì đến năm 2030.

Công tác xây dựng nông thôn mới huyện phân đấu đến năm 2025 hoàn thành 100% xã đạt nông thôn mới, trong đó có 02 xã đạt nông thôn mới nâng cao, 01 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu và huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Để đạt được kế hoạch đề ra huyện tập trung chỉ đạo đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và huy động mọi nguồn lực trong việc xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp và thương mại, dịch vụ

Lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu là công nghiệp khai khoáng và chế biến đây là những sản phẩm đem lại giá trị sản xuất công nghiệp tăng cao, đóng góp nhiều cho tăng trưởng và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên chủ yếu là khai thác sản xuất vật liệu xây dựng từ núi đá Hòn Sóc, áp dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến làm giảm chi phí đầu vào, tăng hiệu quả đầu ra. Tổ chức lại sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị: chú trọng chất lượng, hàm lượng giá

trị gia tăng để tăng khả năng cạnh tranh nhóm mặt hàng chủ lực; Từng bước chuyển đổi loại hình chế biến thủy sản từ nguồn nguyên liệu đánh bắt sang nuôi trồng để ổn định sản xuất và phát triển bền vững. Đa dạng hóa các loại hình thương mại, dịch vụ đảm bảo hàng hóa chất lượng đến tay người tiêu dùng ở các vùng nông thôn trên địa bàn huyện. Kêu gọi đầu tư, xã hội hóa, từng bước xây dựng, hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng các chợ xã nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa của người dân phát triển đúng quy hoạch, hạn chế tình trạng mua bán lẩn, chiếm lòng, lề đường dọc Quốc lộ 80 gây mất an toàn giao thông.

1.3. Phát triển du lịch theo hướng nâng chất lượng

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về văn hoá thể thao, từng bước đưa các hoạt động văn hoá và dịch vụ vào nề nếp, trong việc quy hoạch các trung tâm văn hoá thể thao từ huyện đến cơ sở: khai thác có hiệu quả các thiết chế đang có như; thư viện, khu di tích... Vận động mọi nguồn lực nhằm từng bước đẩy mạnh công tác xã hội hoá các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao và công tác tuyên truyền quảng bá xúc tiến du lịch để kêu gọi đầu tư, thu hút du khách đến tham quan.

1.4. Tập trung xây dựng đồng bộ, từng bước hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi

Từng bước đầu tư hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn huyện, đầu nối các tuyến đường huyện, đường liên xã, đường liên ấp, đường dân sinh tạo điều kiện thuận lợi giao thương hàng hóa giữa các địa phương được dễ dàng hơn. Đến nay trên địa bàn huyện đã đầu tư hoàn thành đường xe ô tô đến trung tâm xã; Tiếp tục thực hiện đầu tư trong những năm tiếp theo hoàn thành đường liên xã, đường liên ấp; việc đầu tư hệ thống đường giao thông nông thôn đồng bộ tạo giúp phát triển kinh tế xã hội của cả huyện. Đồng thời đề xuất với tỉnh đầu tư xây dựng một số công trình trọng điểm mang tính chiến lược như: Tuyến đường Đê biển Hòn Đất – Kiên Lương (đoạn từ xã Lình Huỳnh đến xã Bình Giang giáp huyện Kiên Lương); Đường T5 Bắc lộ 80 xã Bình Giang; Cầu Kiên Hảo bắc qua kênh Rạch Giá – Hà Tiên; mở rộng đường Mỹ Hiệp Sơn, Mỹ Thái, Mỹ Phước; Các tuyến đường đầu nối Quốc lộ 80 ra Đê Biển... Đầu tư bê tông hóa mới 209km và nâng cấp, mở rộng 100km đường giao thông nông thôn đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra.

Do địa bàn huyện có hệ thống kênh mương chằng chịt, việc phát triển hệ thống thủy lợi là phù hợp với điều kiện tự nhiên, nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả, bảo vệ nguồn nước ngọt. Để vận chuyển các sản phẩm sản xuất của



ngành nông nghiệp, cần đầu tư kinh phí nạo vét hệ thống kênh nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển sản phẩm nông nghiệp bằng đường thủy. Kết hợp đầu tư nạo vét và làm bờ bao với mục tiêu xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn, làm nền đường giao thông nông thôn.

Để thực hiện tốt nhu cầu tưới tiêu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp cần phải đầu tư hạ tầng cung cấp điện. Huyện đầu tư kinh phí hạ thế các trạm biến áp cho các xã, thị trấn có hệ thống tưới tiêu đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Thời gian tới đầu tư hạ thế thêm các trạm biến áp phục vụ bơm tát phục vụ sản xuất nông nghiệp và kéo điện chiếu sáng cho các vùng lùm trên địa bàn huyện.

1.5. Khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia và triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ về phát triển kinh tế nói chung nhất là kinh tế tập thể, liên kết sản xuất, chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với thương hiệu của từng chủ thể.

Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ toàn huyện có 29 Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và có 163 Tổ hợp tác trên các lĩnh vực. Góp phần thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch 118/KH-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Triển khai thực hiện Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm” năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; thực hiện “Đề án phát triển vùng nguyên liệu lúa gạo các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên phục vụ chế biến và xuất khẩu giai đoạn 2021-2025” được phê duyệt tại Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 22/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

1.6. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Tăng cường chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, gắn với chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp

điều kiện tự nhiên, thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu, chuyển đổi sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn tạo lợi thế cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu thị trường. Phần đầu năng suất lúa bình quân đạt 6,0 tấn/ha và phát triển diện tích, gắn với nâng cao chất lượng cây ăn quả, rau màu, phát triển rau sạch, rau an toàn ở một số địa phương phục vụ nhu cầu tiêu dùng.

Quan tâm bảo vệ, chống xói mòn, sạt lở tuyến đê biển trên địa bàn huyện; bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tăng cường trồng mới rừng phòng hộ ven biển; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của nhân dân về bảo vệ môi trường. Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở các cụm dân cư; nâng cấp trạm cấp nước hiện hữu; đề nghị mở rộng cấp nước sinh hoạt cho nhân dân sinh sống dọc Quốc lộ 80, đoạn thị trấn Hòn Đất vào xã Thổ Sơn và đến xã Bình Sơn, Bình Giang...

1.7. Phát triển các ngành, lĩnh vực gắn với Chương trình phát triển kinh tế biển

Ngành thủy sản đã có những chuyển biến tích cực trong nuôi trồng và khai thác thủy sản, nâng cao giá trị sản phẩm và tạo thêm việc làm cho người dân, trở thành động lực cho phát triển kinh tế của huyện. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tạo đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung đổi mới 3 khâu then chốt gồm: quản lý, khai thác và phát triển tài nguyên; đầu tư phát triển, đặc biệt là thu hút kêu gọi đầu tư; nâng cao năng suất lao động, hiệu suất đầu tư trên cơ sở phát triển nguồn nhân lực và áp dụng khoa học công nghệ mới vào nuôi trồng thủy sản. Đồng thời triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách, các định hướng về phát triển kinh tế biển, kinh tế vùng của Trung ương, tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật rộng rãi trong dân, các chủ tàu, ngư dân về Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Tổ chức thực hiện nghiêm Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 06/8/2020 về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TU ngày 13/7/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về tăng cường các giải pháp quản lý, ngăn chặn, chấm dứt tàu cá và ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái pháp luật.

2. Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nguồn nhân lực, chăm lo phát triển văn hoá, con người và đảm bảo an sinh xã hội

2.1. Thực hiện các giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sáp nhập các đơn vị sự nghiệp giáo dục phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng

dạy và học. Tập trung giải quyết tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ, điều động giáo viên từ nơi thừa đến nơi thiếu, từng bước sắp xếp số lượng, cơ cấu phù hợp theo vị trí việc làm. Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Đề án đổi mới chương trình, thay sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2020-2025. Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục; phối hợp giải quyết có hiệu quả những vấn đề cử tri kiến nghị, dư luận xã hội quan tâm. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước thu hẹp sự chênh lệch về chất lượng giữa các trường; chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học cho các xã thực hiện chương trình nông thôn mới, trường đạt chuẩn quốc gia; tập trung xây dựng đủ phòng học cho học sinh mẫu giáo và tiểu học học 02 buổi/ngày và sửa chữa, thay thế các phòng học xuống cấp theo kế hoạch. Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ huy động học sinh mầm non đến trường đạt 82%, học sinh tiểu học đạt 99,96%, học sinh Trung học cơ sở đạt 97,3%.

2.2. Phát triển khoa học công nghệ

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu như nông nghiệp, thủy sản. Chỉ đạo xây dựng và hình thành những vùng chuyên canh ứng dụng khoa học công nghệ và từng bước phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại; áp dụng rộng rãi các loại giống mới và kỹ thuật nuôi trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm và nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

2.3. Chăm lo phát triển văn hoá, con người, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội với mục tiêu đề ra, hàng năm phải có 86% hộ gia đình, 80% ấp - khu phố và 92% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn về văn hóa, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội. Huy động, sử dụng tốt nguồn lực xã hội để kêu gọi đầu tư xây dựng tôn tạo, tu bổ di tích văn hóa, lịch sử của huyện. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động thông tin và truyền thông trong việc giới thiệu quảng bá các di tích văn hóa, lịch sử của huyện.

2.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do đại dịch Covid-19 trong khi còn dịch bệnh; tiếp tục tập

trung thực hiện “mục tiêu kép” theo đúng quan điểm chỉ đạo của trên; tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19. Ưu tiên nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch trên cơ sở kết hợp linh hoạt, hài hòa giữa phòng, chống dịch và phát triển kinh tế. Chủ động xây dựng, triển khai các kịch bản phòng, chống tương ứng với các cấp độ của dịch; tăng cường kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm phòng dịch từ sớm, từ xa; chú trọng thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch ít gây ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến hoạt động kinh tế xã hội và đời sống nhân dân. Tiếp tục củng cố, duy trì trạng thái bình thường mới, vừa phát triển kinh tế, vừa sẵn sàng phòng dịch trong tất cả các ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cộng đồng. Tăng cường công tác tham mưu, đề xuất các chế độ ưu đãi nhằm tăng cường thu hút bác sĩ về làm việc tại các Trạm y tế.

Kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, khống chế dịch bệnh kịp thời, không để dịch lớn xảy ra, ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, các sự cố môi trường gây ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân. Triển khai các biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là các bếp ăn tập thể quy mô lớn, vào các ngày lễ, Tết và các sự kiện lớn của huyện. Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh, thanh toán BHYT, trong xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý Trạm y tế xã, thị trấn. Tiếp tục thực hiện đề án bảo đảm trạm y tế có bác sĩ phục vụ ít nhất 2 ngày/tuần. Tăng cường công tác tham mưu, đề xuất các chế độ ưu đãi nhằm tăng cường thu hút bác sĩ về làm việc tại các Trạm y tế. Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm y tế và phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%, giữ vững 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

2.5. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội và đảm bảo an sinh xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng; tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các chế độ ưu đãi của Đảng và Nhà nước; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tăng cường tuyên truyền, vận động lao động nông thôn tham gia học nghề, liên kết với các cơ sở đào tạo mở lớp dạy nghề cho lao động nông thôn, đến năm 2025 đạt 63% lao động qua đào tạo, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%; chủ động tham gia các chương trình đưa lao động đi làm việc ở các khu công nghiệp, đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo



hợp đồng; hàng năm giải quyết việc làm cho 3.500 lượt lao động trở lên, đến năm 2025 giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều còn dưới 3% và tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản.

Tăng cường các giải pháp đảm bảo thực hiện quyền của trẻ em và bảo vệ chăm sóc trẻ em. Đặc biệt là các trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, tăng cường các hoạt động tuyên truyền về phòng, chống các tệ nạn xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng xã, thị trấn lành mạnh.

Thực hiện tốt việc cấp bảo hiểm y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số và người dân ở xã bãi ngang ven biển theo quy định; tăng cường công tác tuyên truyền về thực hiện Luật Bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ của phụ nữ đến các cấp, các ngành và người dân.

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ các xã khó khăn, đồng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào tổ chức tốt các dịp lễ tết, lễ hội truyền thống; hỗ trợ đồng bào dân tộc Khmer phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Tăng cường tuyên truyền vận động các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo tích cực tham gia phát triển kinh tế, xã hội, giảm nghèo bền vững...

3. Tăng cường quốc phòng, an ninh đảm bảo trật tự an toàn xã hội

Thường xuyên duy trì các chế độ trực đi đôi với việc huấn luyện các lực lượng. Thực hiện tốt các bước tuyển quân hàng năm đạt 100%. Giữ vững ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội, tăng cường các biện pháp phòng ngừa, tấn công các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật về an toàn giao thông với mục tiêu là giảm trên cả 3 tiêu chí.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết có hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai, hạn chế đơn thư, vụ việc tồn đọng kéo dài; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phòng chống tham nhũng, lãng phí

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện đúng các chế độ thanh tra, kiểm tra công vụ ở các đơn vị chuyên môn, các xã, thị trấn, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết các vụ việc liên quan đến tổ chức và cá nhân. Sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với trình độ chuyên môn, đúng theo Đề án vị trí việc làm và Đề án tinh giản biên chế.

Thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác hành chính tư pháp đúng theo quy định pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu của công dân. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động hoà giải ở cơ sở, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật các xã, thị trấn năm 2020.

Tăng cường theo dõi thực hiện các kết luận thanh tra; thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực trọng yếu. Tổ chức tốt công tác quản lý nhà nước, thực hiện nghiêm các giải pháp phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đúng quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trên địa bàn huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ngành cấp tỉnh;
- Huyện ủy Hòn Đất;
- UBND huyện Hòn Đất;
- LĐVP;
- CVNC;
- Lưu: VT, pxquyet (02b).

CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành

